

Số: 27/2007/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2007

THÔNG T-

H- ớng dẫn quy trình xác nhận đối t- ợng đ- ợc vay vốn theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ t- ớng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên

Căn cứ Nghị định số 29/2003/NĐ-CP ngày 31 tháng 03 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Th- ơng binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ t- ớng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

Bộ Lao động - Th- ơng binh và Xã hội h- ớng dẫn quy trình xác nhận đối t- ợng đ- ợc vay vốn theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg về tín dụng đối với học sinh, sinh viên nh- sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông t- này h- ớng dẫn quy trình xác nhận đối t- ợng từ cơ sở (thôn/ bản; xã/ ph- ờng) nhằm xác định đúng đối t- ợng đ- ợc vay vốn theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ t- ớng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

2. Nguyên tắc xác định: đảm bảo tính chính xác; dân chủ, công bằng, công khai và có sự tham gia bình xét của ng- ời dân.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm xác nhận đối t- ợng.

UBND cấp xã căn cứ tiêu chí và h- ớng dẫn của Bộ Lao động- Th- ơng binh và Xã hội tổ chức khảo sát, lập danh sách, xác nhận đúng đối t- ợng hộ gia đình đ- ợc vay vốn theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

Việc tổ chức xác nhận đối tượng được vay vốn theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ có thể tiến hành thành nhiều đợt, nhưng phải đảm bảo không ảnh hưởng đến việc giải quyết nhu cầu vay vốn của học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) thông báo cho tất cả các hộ gia đình có con, em đang theo học tại các trường đại học (hoặc trường đại học), cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và tại các cơ sở đào tạo nghề thuộc đối tượng vay vốn theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, có nhu cầu vay vốn làm đơn xin vay gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để xem xét xác nhận.

2. Thủ tục xác nhận đối tượng:

a. Đối với học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào danh sách đối tượng bảo trợ xã hội đang quản lý trên địa bàn theo quy định tại Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về Chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội để xác nhận vào đơn xin vay vốn của hộ gia đình.

b. Đối với học sinh, sinh viên là thành viên của hộ nghèo theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật, căn cứ vào danh sách hộ nghèo xã đang quản lý, Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận vào đơn xin vay vốn của hộ gia đình.

c. Đối với học sinh, sinh viên mà gia đình gặp khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hỏa hạn, dịch bệnh trong thời gian theo học, căn cứ mức độ thiệt hại thực tế, Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận vào đơn xin vay vốn của hộ gia đình.

d. Đối với hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người trên chuẩn nghèo và tối đa bằng 150% chuẩn nghèo (đối với khu vực nông thôn: trên 200.000 đồng đến 300.000 đồng/người/tháng; đối với khu vực thành thị: trên 260.000 đồng đến 390.000 đồng/người/tháng), Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo tiến hành như sau:

- Tổ chức khảo sát thu nhập của hộ gia đình: sử dụng phiếu khảo sát thu nhập của hộ gia đình (theo mẫu số 1) để xác định thu nhập của hộ gia đình; những hộ có

thu nhập bình quân đầu người trên chuẩn nghèo và tối đa bằng 150% chuẩn nghèo được tổng hợp vào danh sách để bình xét.

- Tổ chức bình xét ở hội nghị thôn, bản, ấp và dựa vào kết quả bình xét để lập danh sách hộ có thu nhập bình quân đầu người trên chuẩn nghèo và tối đa bằng 150% chuẩn nghèo (theo mẫu số 2) đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận vào đơn xin vay vốn của hộ gia đình (cách thức thực hiện theo hướng dẫn tại Thông t- số 04/2007/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 01 năm 2007 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo hàng năm).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông t- này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Sở LĐTBXH các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Các Vụ, ban có liên quan;
- Lưu VT, VPCTGN (5b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đàm Hữu Đắc

MẪU SỐ 1

Thôn/bản
Xã/ph- ờng
Huyện, quận
Tỉnh, thành phố

PHIẾU RÀ SOÁT THU NHẬP HỘ GIA ĐÌNH

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỘ GIA ĐÌNH

1. **Họ tên chủ hộ:**.....

2. **Địa chỉ:**

Tỉnh/thành phố

Huyện/Quận

Xã/Ph- ờng

Xóm/thôn/bản/tổ dân phố

- Khu vực :1. Thành thị 2. Nông thôn

- Hộ Khẩu th- ờng trú tại địa ph- ờng :1. Có 2. Không

3. **Danh sách thành viên trong hộ**

TT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	QH với chủ hộ	Nghề nghiệp, công việc

II. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA HỘ 12 THÁNG QUA

1. **Tổng thu và tổng chi cho hoạt động SXKD dịch vụ**

Đơn vị: 1.000 đồng

Nguồn thu	Tổng thu	Tổng chi
1. Trồng trọt (tính cả sản phẩm bán ra và sản phẩm tiêu dùng trong gia đình)		
- Cây l- ờng thực và thực phẩm		
- Cây công nghiệp		
- Cây ăn quả		
- Sản phẩm phụ trồng trọt (thân , lá, ngọn cây, rơm, rạ, củi...)		
- Sản phẩm trồng trọt khác		
2. Chăn nuôi (tính cả sản phẩm bán ra và sản phẩm tiêu dùng trong gia đình)		

- Gia súc		
- Gia cầm		
- Sản phẩm khác (trứng, sữa t-oi, kén tằm, mật ong nuôi, con giống..)		
3. Hoạt động dịch vụ nông nghiệp		
4. Lâm nghiệp (tính cả sản phẩm bán ra và sản phẩm tiêu dùng trong gia đình) và dịch vụ lâm nghiệp		
5. Thủy sản (tính cả sản phẩm bán ra và sản phẩm tiêu dùng trong gia đình) và dịch vụ thủy sản		
6. Các dịch vụ SXKD dịch vụ phi NN (tính cả sản phẩm bán ra và sản phẩm tiêu dùng trong gia đình)		
7. Tiền l-ong, tiền công		
8. Các khoản khác (gồm các khoản: thu từ hái l-ợm, quà tặng, tiền gửi về từ bên ngoài, lãi tiết kiệm, tiền cho thuê nhà, l-ong h-u, trợ cấp..)		
Tổng cộng		

2. Thu nhập của hộ gia đình

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Giá trị
1. Tổng thu nhập của hộ gia đình (Tổng thu- tổng chi)	
2. Thu nhập bình quân/ ng- òi/ tháng (Tổng thu nhập/số nhân khẩu/12 tháng)	

3. Dự kiến đưa vào danh sách:

- Bình xét hộ thuộc đối tượng đ- ợc vay vốn
- Không bình xét hộ thuộc đối tượng đ- ợc vay vốn

Ghi chú: đánh dấu X vào ô t- ơng ứng.

Rà soát viên
(Ký ghi rõ họ và tên)

Ngày tháng năm 200
Đại diện giảm nghèo xã/ph- òng
(Ký ghi rõ họ và tên)

MẪU SỐ 2

Thôn/bản
Xã/ph-ờng
Huyện, quận
Tỉnh, thành phố

DANH SÁCH HỘ ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN VAY VỐN

(có thu nhập bình quân đầu ng-ời trên chuẩn nghèo và tối đa bằng 150% chuẩn nghèo)

Họ tên chủ hộ	Địa chỉ	Thu nhập bình quân đầu ng-ời/tháng qua rà soát	Kết quả bình xét
1.			
2.			
3.			
TỔNG CỘNG			

Đề nghị của Ban giám nghèo xã
(Ký ghi rõ họ và tên)

Ngày tháng năm 200
Chủ tịch UBND xã/ph-ờng
(Ký ghi rõ họ và tên)